

Bản án số: 37/2022/DS-PT

Ngày 15/8/2022

“V/v Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất, tranh
chấp về thừa kế tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Thẩm phán: ông Vũ Văn Đoan và ông Bùi Đức Thanh

Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh
Quảng Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà
Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét
xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2022/TLPT-DS ngày 01/4/2022
về việc: “Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tranh chấp về
thừa kế tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2021/DS-ST ngày 29/12/2021
của Tòa án nhân dân thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2022/QĐ-PT ngày 11/7/2022; các Quyết
định hoãn phiên tòa số: 56/2022/QĐ-PT ngày 26/7/2022 và số: 60/2022/QĐ-PT
ngày 04/8/2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** cháu **Đỗ Tuấn A**, sinh ngày 25/3/2007 và cháu **Đỗ Thanh
N**, sinh ngày 03/5/2009; cùng địa chỉ: khu G, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng
Ninh;

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: chị **Vũ Thị K**, sinh năm
1982; địa chỉ: khu G, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

2. **Bị đơn:**

- Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1950; địa chỉ: số 450, đường GĐ, tổ 21, khu
2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện: ông **Đặng Văn T**, sinh năm 1957; địa chỉ: số 06, ngõ 82,
đường N, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, là người đại diện theo ủy
quyền theo văn bản ủy quyền số vào sổ công chứng 6391, quyền số: 12/TP/CC-
SCC/HĐGD ngày 08/12/2020 của Văn phòng công chứng HL, có mặt.

- Ông **Đỗ Tất X**, sinh năm 1943 (đã chết ngày 20/4/2022).

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Đỗ Tất X:

+ Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1950; địa chỉ: số 450, đường GĐ, tổ 21, khu
2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh;

+ Chị **Đỗ Thị M**, sinh năm 1969; địa chỉ: tổ 7, khu 1, phường GD, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

+ Chị **Đỗ Thị Kim D**, sinh năm 1971; địa chỉ: tổ 21, khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

+ Cháu **Đỗ Tuấn A**, sinh ngày 25/3/2007 và cháu **Đỗ Thanh N**, sinh ngày 03/5/2009; cùng địa chỉ: khu G, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; người đại diện hợp pháp: chị **Vũ Thị K**, sinh năm 1982; địa chỉ: khu G, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1982 và chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1982; cùng địa chỉ: số 448, tổ 21, khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh **Vũ Văn C**, sinh năm 1990; địa chỉ: tổ 89, khu 8, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông **Phạm Đức K**, sinh năm 1947 và bà **Hòa Thị X2**, sinh năm 1960; cùng địa chỉ: tổ 4, khu 3, phường Y, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh **Bùi Công L**, sinh năm 1991; địa chỉ: số 448, tổ 21, khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn cháu **Đỗ Tuấn A** và cháu **Đỗ Thanh N**, là chị **Vũ Thị K**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện; đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung và trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, là chị **Vũ Thị K** trình bày:

Anh **Đỗ Mạnh C1** sinh năm 1974, là con đẻ của ông **Đỗ Tất X** và bà **Nguyễn Thị X**. Năm 2006, chị **K** kết hôn với anh **C1**, đến năm 2013, chị **K** và anh **C1** ly hôn. Thời gian chung sống, chị **K** và anh **C1** có hai con chung là **Đỗ Tuấn A** và **Đỗ Thanh N**. Ngày 30/4/2019, anh **C1** bị bệnh chết. Ngoài ông **X**, bà **X** và hai con **Đỗ Tuấn A**, **Đỗ Thanh N** thì anh **C1** không còn ai khác thuộc hàng thừa kế thứ nhất.

Ngày 28/4/2008, Ủy ban nhân dân thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh (viết tắt là UBND thành phố HL) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AL 462776, sổ vào sổ CGCN: H35199; diện tích 1412,2m²; thửa đất số 17, tờ bản đồ 45; địa chỉ: tổ 22 cũ (nay là tổ 21), khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh mang tên người sử dụng đất ông **Đỗ Tất X**, bà **Nguyễn Thị X** và anh **Đỗ Mạnh C1** (viết tắt là GCNQSDĐ số: AL 462776 mang tên người sử dụng đất ông **Đỗ Tất X**, bà **Nguyễn Thị X** và anh **Đỗ Mạnh C1**).

Năm 2009, ông **X** và bà **X** chuyển nhượng một phần diện tích đất trong quyền sử dụng đất nêu trên cho vợ chồng em trai ông **X** là ông **Đỗ Tất Tươi** và bà **Nguyễn Thị Thạo**. Lây lý do này, ông **X** và bà **X** làm thủ tục tách quyền sử dụng đất nêu trên thành nhiều thửa và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

1) Quyền sử dụng đất diện tích 152,6m²; tài sản gắn liền với đất là căn nhà 2,5 tầng; thửa số 17A, tờ bản đồ 45; GCNQSDĐ số AP 433545, sổ vào sổ CGCN: H42698 do UBND thành phố HL cấp ngày 11/11/2009 mang tên người sử dụng

đất ông Đỗ Tất X – bà Nguyễn Thị X (viết tắt là GCNQSDĐ số: AP 433545 mang tên người sử dụng đất ông Đỗ Tất X - bà Nguyễn Thị X).

2) Quyền sử dụng đất diện tích 89,5m²; thửa số 17B, tờ bản đồ 45; GCNQSDĐ số AP 433544, số vào sổ cấp GCN: H42699 do UBND thành phố HL cấp ngày 11/11/2009 mang tên người sử dụng đất ông Đỗ Tất X – bà Nguyễn Thị X. Ngày 13/01/2010, ông X - bà X tự ý ký hợp đồng chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn H và chị Hoàng Thị T mà không có chữ ký của người đồng sử dụng là anh C1 (đã đăng ký biến động ngày 02/02/2010).

3) Quyền sử dụng đất diện tích 244,7m²; thửa số 17C, tờ bản đồ 45, đã được chuyển nhượng hợp pháp cho ông Đỗ Tất Tươi – bà Vũ Thị Thạo, vì việc chuyển nhượng này có anh C1 ký hợp đồng chuyển nhượng cùng ông X - bà X.

4) Quyền sử dụng đất diện tích 520,5m²; thửa số 17D, tờ bản đồ số 45; GCNQSDĐ số AP 433543, số vào sổ cấp GCN: H42700 do UBND thành phố HL cấp ngày 11/11/2009 mang tên người sử dụng đất ông Đỗ Tất X - bà Nguyễn Thị X; đến năm 2011, ông X - bà X tách thửa số 17D thành thửa đất số 78 và thửa đất số 79. Quyền sử dụng đất 104,4m²; thửa đất số 79, tờ bản đồ số 45, ông X – bà X chuyển nhượng cho ông Phạm Đức K và bà Hòa Thị X2, theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/11/2010. Ông K - bà X, đã được UBND thành phố HL cấp GCNQSDĐ số BĐ 390661, số vào sổ cấp GCN: CH00552 ngày 17/01/2011; ông K – bà X tiếp tục chuyển nhượng cho anh Bùi Công L. Quyền sử dụng đất 416,1m²; thửa đất số 78, tờ bản đồ số 45, đã được cấp GCNQSDĐ số BĐ 390660, số vào sổ cấp GCN: CH00553 ngày 17/01/2011 mang tên người sử dụng đất ông Đỗ Tất X – bà Nguyễn Thị X; ngày 23/7/2019, ông X – bà X đã chuyển nhượng cho anh Vũ Văn C.

5) Quyền sử dụng đất diện tích 254,8m²; thửa số 17E, tờ bản đồ số 45; GCNQSDĐ số AP 433542, số vào sổ cấp GCN: H42701 do UBND thành phố HL cấp ngày 11/11/2009 mang tên người sử dụng đất ông Đỗ Tất X - bà Nguyễn Thị X.

Tất cả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới, sau khi tách ra từ thửa đất số 17 đều bỏ tên anh Đỗ Mạnh C1, chỉ còn mang tên của ông Đỗ Tất X - bà Nguyễn Thị X.

Anh C1 chết có để lại di sản là phần tài sản trong khối tài sản chung với ông X - bà X, là quyền sử dụng đất, nhà và toàn bộ công trình phụ trên quyền sử dụng đất diện tích 1167,5m², gồm các thửa số: 17A, 17B, 17D và 17E (đây là diện tích còn lại sau khi đã trừ đi diện tích đất 244,7m² của thửa 17C, tờ bản đồ số 45 mà anh C1 cùng với ông X - bà X ký chuyển nhượng hợp pháp cho ông Tươi – bà Thạo). Sau khi ly hôn với chị K, anh C1 không kết hôn lần hai với ai, cũng không có thêm con với ai, không nhận con nuôi hay có người sống nương nhờ. Theo Quyết định ly hôn của chị K với anh C1 thì anh C1 có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Thanh N; tuy nhiên từ sau khi ly hôn, con chung Đỗ Thanh N vẫn đang ở với chị K; anh C1 không cấp dưỡng nuôi con từ tháng 9/2013, cho đến khi anh C1 chết. Ngay sau khi anh C1 chết, ông X và bà X đã chiếm đoạt tài sản mà anh C1 để lại là nhà và đất. Đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông X – bà X tách bỏ tên anh C1, chị K đã yêu cầu UBND thành phố HL xem xét lại và đã được UBND thành phố HL ra văn bản ngày 24/9/2020, giao cho phòng

Tài nguyên và Môi trường thành phố HL thu hồi các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông X – bà X đã được cấp và có biện pháp xử lý với các thửa đất mà ông X – bà X đã chuyển nhượng cho ông K – bà X; anh H – chị T và anh Vũ Văn C.

Chị K khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

1) Huỷ các giao dịch trái pháp luật, cụ thể là:

- Huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/01/2010, giữa ông X – bà X với anh H – chị T đối với quyền sử dụng đất diện tích 89,5m²; thửa số 17B, tờ bản đồ số 45 được UBND thành phố HL cấp GCNQSDĐ số AP 433544 ngày 11/11/2009 mang tên người sử dụng đất ông Đỗ Tất X - bà Nguyễn Thị X.

- Huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/11/2010, giữa ông X – bà X với ông K – bà X đối với quyền sử dụng đất 104,4m²; thửa số 79, tờ bản đồ số 45; ông K – bà X đã được UBND thành phố HL cấp GCNQSDĐ số BD 390661, số vào sổ cấp GCN: CH00552 ngày 17/01/2011. Ông K - bà X đã chuyển nhượng lại cho anh Bùi Công L.

- Huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/7/2019, giữa ông X – bà X với anh Vũ Văn C đối với quyền sử dụng đất 416,1m²; thửa đất số 78, tờ bản đồ số 45, đã được cấp GCNQSDĐ số BD 390660, số vào sổ cấp GCN: CH00553 ngày 17/01/2011 mang tên người sử dụng đất ông Đỗ Tất X – bà Nguyễn Thị X.

Lý do yêu cầu huỷ vì: diện tích đất trên là tài sản chung của ông X - bà X và anh C1. Khi ông X – bà X chuyển nhượng các thửa đất nêu trên, anh C1 không biết và không ký chuyển nhượng nên việc huỷ các giao dịch này để khắc phục tình trạng ban đầu của tài sản mà anh C1 có, để đảm bảo cho yêu cầu chia di sản thừa kế của anh C1 để lại.

2) Yêu cầu Toà án chia di sản thừa kế của anh C1 để lại là 385m² đất tại tổ 22, khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh (nằm trong 1157,5m² đất với ông X - bà X) cho ông Đỗ Tất X (là bố đẻ), bà Nguyễn Thị X (là mẹ đẻ), Đỗ Tuấn A và Đỗ Thanh N (đều là con đẻ).

3) Yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng của anh C1 đối với con chưa thành niên. Việc cấp dưỡng được trích từ nguồn tài sản anh C1 có trong khối tài sản chung với ông X - bà X như sau:

- Diện tích đất là tài sản trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất còn lại là 1167,5m².

- 01 căn nhà 2,5 tầng và toàn bộ công trình phụ trên thửa số 17A, tờ bản đồ số 45; địa chỉ: số nhà 450, tổ 22 cũ (nay là tổ 21), khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh; GCNQSDĐ số: AP 433545 mang tên người sử dụng đất ông Đỗ Tất X - bà Nguyễn Thị X và hiện nay ông X – bà X đang sử dụng.

- Tiền thuê nhà xưởng cho hộ kinh doanh thu mua phế liệu, ông X - bà X đã nhận là 48.000.000 đồng theo hợp đồng 05 năm và số tiền 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 01/2020 đến khi xét xử vụ án.

Số tiền cấp dưỡng như sau: thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2019 đến tháng 5/2027 là: 96 tháng x 5.000.000 đồng/tháng = 480.000.000 đồng, đây là số tiền anh C1 phải cấp dưỡng cho con Đỗ Thanh N đến năm đủ 18 tuổi.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 28/6/2021 và tại phiên toà ngày 26/10/2021, chị Vũ Thị K rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chị K còn các yêu cầu như sau:

1) Yêu cầu huỷ các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông X – bà X cho anh H – chị T (thửa số 17B); cho ông K – bà X và từ ông K - bà X cho anh L (thửa số 79 tách ra từ thửa số 17D); cho anh C (thửa số 78 tách ra từ thửa 17D).

Hai thửa số 17E và 17A, đã bị UBND thành phố HL huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do cấp sai nên chị K không yêu cầu.

2) Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật: chia di sản thừa kế của anh Đỗ Mạnh C1 cho ông Đỗ Tất Xá, bà Nguyễn Thị X, cháu Đỗ Tuấn A và cháu Đỗ Thanh N; di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của anh Đỗ Mạnh C1 trong khối tài sản chung, là quyền sử dụng đất của ông X – bà X được UBND thành phố HL cấp GCNQSDĐ năm 2008, còn lại là 1167,5m². Phần di sản thừa kế được chia, chị K yêu cầu nhận quyền sử đất, không nhận bằng tiền.

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là các tài sản gắn liền với đất, tiền cho thuê nhà đất; tiền giải phóng mặt bằng và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Đỗ Mạnh C1, chị K xin rút không yêu cầu Toà án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, chị Vũ Thị K đưa ra những căn cứ lập luận sau:

Thứ nhất: anh Đỗ Mạnh C1 là con trai của ông X - bà X, ở cùng nhà với ông X - bà X từ nhỏ. Khối tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa số 17, tờ bản đồ 45, anh C1 có công xây dựng, tôn tạo cùng bố mẹ đẻ là ông X - bà X. Đồng thời, ý chí của ông X – bà X tại thời điểm kê khai hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã đồng ý để anh C1 đứng tên đồng sử dụng; GCNQSDĐ số AL462776 do UBND thành phố HL cấp ngày 28/4/2008 mang tên người sử dụng đất ông X - bà X có cả tên anh Đỗ Mạnh C1. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do việc ông X – bà X tách một phần đất cho vợ chồng em trai ông X là ông Đỗ Tất Tươi - bà Vũ Thị Thạo nên đã tiến hành tách thửa đất số 17 ra thành 05 thửa đất khác nhau. Trong đó: thửa đất số 17C tách cho ông Tươi - bà Thạo; 04 thửa đất còn lại thì khi thực hiện việc tách thửa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ còn mang tên ông X - bà X mà không có tên anh Đỗ Mạnh C1. Sau khi anh Đỗ Mạnh C1 chết, do ông X – bà X không quan tâm đến các con của anh C1, nhiều lần chị K đòi quyền lợi cho các con nhưng ông X – bà X không hợp tác. Chị K đã làm đơn ra UBND thành phố HL, Ủy ban đã thực hiện việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 17A và 17E, với lý do cấp sai. Việc thu hồi hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này chứng tỏ UBND thành phố HL xác định GCNQSDĐ số AL 462776 cấp có người đồng sử dụng là anh Đỗ Mạnh C1, là đúng. Từ đó phát sinh quyền về tài sản của anh C1 trong khối tài sản chung của ông X – bà X.

Thứ hai: anh C1 là con trai ở cùng nhà với ông X - bà X. Ngoài thời gian đi học, đi làm thì anh C1 đã có công xây dựng, tôn tạo nên mới có được thửa đất hơn 1700m² này. Quá trình vợ chồng còn chung sống với nhau, chị K nhiều lần nghe anh C1 kể chuyện về việc anh C1 có công trong việc xây dựng, tôn tạo đối với thửa đất. Do vậy, dù việc có đứng tên hay không đứng tên trong giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất thì anh C1 vẫn có quyền trong khối tài sản chung này. Về mặt ý chí, trong suốt quá trình ông X và anh C1 xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tách thửa đất, bà X có biết việc đưa anh C1 vào đồng sử dụng nhưng không có ý kiến gì là mặc nhiên thừa nhận, đồng ý để anh C1 đứng tên.

** Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Đỗ Tất X - bà Nguyễn Thị X và người đại diện theo ủy quyền ông Đặng Văn T, cùng trình bày:*

Năm 1984, vợ chồng ông Đỗ Tất X - bà Nguyễn Thị X được Ủy ban nhân dân thị xã Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy phép xây dựng đối với diện tích đất 307m² tại phường H, thị xã Hồng Gai (nay là thành phố HL), tỉnh Quảng Ninh. Quá trình sử dụng đất trước đó, ông X - bà X khai hoang được khoảng hơn 1000m² đất liền kề. Năm 1999, Nhà nước lập bản đồ địa chính, thửa đất được đánh thứ tự là thửa đất số 17, tờ bản đồ 45 với diện tích 1702m².

Năm 2005, ông X làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại mục “Các đồng sở hữu khác”, ông X có ghi thông tin anh Đỗ Mạnh C1 (là con trai ông X - bà X). Ngày 28/4/2008, UBND thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh cấp GCNQSDĐ số AL 462776 đối với quyền sử dụng đất diện tích 1412,2m²; thửa đất số 17, tờ bản đồ 45; địa chỉ: tổ 22 cũ (nay là tổ 21), khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh mang tên người sử dụng đất ông Đỗ Tất X, bà Nguyễn Thị X và anh Đỗ Mạnh C1.

Năm 2009, ông X - bà X và anh C1 đến Ủy ban nhân dân phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh (viết tắt là UBND phường H) lập hợp đồng tặng cho vợ chồng ông Đỗ Tất Tươi - bà Vũ Thị Thạo diện tích đất 235m² trong tổng số diện tích của thửa đất số 17, tờ bản đồ 45 nói trên. Tại thời điểm này, ông X có nguyện vọng làm hồ sơ xin tách thửa quyền sử dụng đất mang tên ông Đỗ Tất X, bà Nguyễn Thị X và anh Đỗ Mạnh C1 thành 05 thửa. Theo yêu cầu của ông X: ngày 11/11/2009, UBND thành phố HL đã ban hành Quyết định số: 2159/QĐ-UB thu hồi GCNQSDĐ số AL 462776 cấp ngày 28/4/2008 mang tên người sử dụng đất ông Đỗ Tất X, bà Nguyễn Thị X và anh Đỗ Mạnh C1 và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đối với 05 thửa đất được tách ra từ thửa đất số 17, đánh số thứ tự gồm: 17A, 17B, 17C, 17D và 17E. Trong đó, ông X - bà X mang tên các thửa đất số: 17A, 17B, 17E, 17D còn thửa 17C mang tên vợ chồng ông Tươi - bà Thạo.

Năm 2009, ông X - bà X ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 17B cho vợ chồng anh Nguyễn Văn H – chị Hoàng Thị T; năm 2010, ông X – bà X ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 79 (tách ra từ thửa đất số 17D) cho ông Phạm Đức K - bà Hòa Thị X2; năm 2019, ông X - bà X ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 78 (tách ra từ thửa đất số 17D) cho anh Vũ Văn C.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà chị Vũ Thị K là người đại diện hợp pháp, ông X – bà X có quan điểm như sau:

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 45 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất; địa chỉ: tổ 22 cũ (nay là tổ 21), khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh là tài sản chung của ông X - bà X, còn anh C1 không có bất cứ tỷ công sức nào trong khối tài sản này. Khi làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005, ông X đã tự ý ghi thêm tên anh Đỗ Mạnh C1 vào đơn xin

đăng ký quyền sử dụng đất với vai trò là đồng sở hữu tài sản mà không có sự đồng ý của bà X và anh Đỗ Mạnh C1. Việc làm này của ông X đã vi phạm quyền tự định đoạt tài sản của bà X được quy định tại Luật Hôn nhân và Gia đình các năm 1959, 1986 và 2000, vi phạm Điều 212 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về sở hữu chung của thành viên trong gia đình. Tại hồ sơ xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố HL lưu trữ không có bất cứ văn bản thoả thuận nào giữa ông X, bà X và anh C1. Hơn nữa, GCNQSDĐ số AL 462776 do UBND thành phố HL cấp ngày 28/4/2008, đã bị UBND thành phố HL thu hồi, thậm chí toàn bộ giấy chứng nhận cấp mới mang tên ông X - bà X cũng đã bị UBND thành phố HL có quyết định thu hồi. Như vậy, thửa đất số 17A và thửa đất số 17E do ông X - bà X đang quản lý, sử dụng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và anh C1 không còn là người đồng sở hữu tài sản (nhà đất) tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 45; địa chỉ: tổ 22 cũ (nay là tổ 21), khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh. Xét về công sức đóng góp để tạo lập lên khối tài sản chung thì anh Đỗ Mạnh C1 cũng chỉ được giá trị bằng 0%. Nên ông X - bà X không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông X và bà X là vợ chồng, hiện ông X - bà X vẫn còn sống, quyền sử dụng thửa đất số 17, tờ bản đồ số 45 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: tổ 22 cũ (nay là tổ 21), khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh là tài sản chung của ông X - bà X có trước thời điểm ông X xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005. Việc ông X đã tự ý ghi thêm tên anh Đỗ Mạnh C1 vào đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất với vai trò là người đồng sở hữu tài sản như đã nêu trên, bà X hoàn toàn không biết, chỉ đến khi chị K làm đơn yêu cầu UBND phường H giải quyết tranh chấp đất đai thì bà X mới biết. Ông X, bà X và anh C1 không có văn bản thoả thuận nào về việc đưa anh C1 vào là người đồng sử dụng quyền sử dụng đất.

** Trong quá trình tố tụng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Ông Phạm Đức K trình bày: ngày 04/11/2010, ông cùng vợ là bà Hoà Thị Xuân với vợ chồng ông X - bà X đã thoả thuận và ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất 100m² tại phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh. Hợp đồng đã được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Ninh công chứng số 193, quyển số 11 TP/CC-SCC/HĐGD. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông và bà X đã được UBND thành phố HL cấp GCNQSDĐ số BD 390661, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00552 ngày 17/01/2011. Tại Điều 6 của hợp đồng, các bên cam đoan: ông X - bà X cam đoan thông tin về thân nhân, về quyền sử dụng đất là đúng sự thật; quyền sử dụng đất thuộc trường hợp được chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; tại thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng, quyền sử dụng đất không có tranh chấp, không bị kê biên để đảm bảo thi hành án; việc ký hợp đồng chuyển nhượng là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc. Vợ chồng ông đã thanh toán cho ông X - bà X đủ số tiền 300.000.000 đồng, việc chuyển nhượng là đúng theo quy định của pháp luật. Năm 2018, vợ chồng ông đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho anh Bùi Công L. Việc xảy ra tranh chấp trong gia đình ông X - bà X, vợ chồng ông không

rõ, do cơ quan pháp luật giải quyết. Nếu sự việc tranh chấp trong gia đình ông X – bà X dẫn đến hậu quả phải hủy giao dịch giữa ông X - bà X với vợ chồng ông thì yêu cầu ông X - bà X phải trả lại số tiền đã nhận cho vợ chồng ông, vợ chồng ông sẽ trả lại quyền sử dụng đất cho ông X - bà X.

- Anh Bùi Công L trình bày: tôi có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 104,4m² thửa đất số 79, tờ bản đồ 45; địa chỉ: tổ 22 cũ (nay là tổ 21), khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh của ông Phạm Đức K - bà Hoà Thị Xuân và đã được UBND thành phố HL cấp giấy chứng nhận sử dụng đất ngày 14/4/2018. Đối với tranh chấp trong gia đình ông X – bà X, tôi không có quan điểm gì vì tôi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông K - bà X. Nếu hậu quả có xảy ra vấn đề gì liên quan đến quyền sử dụng đất của tôi thì ông K – bà X phải chịu trách nhiệm.

- Anh Nguyễn Văn H trình bày: vợ chồng tôi có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 89,5m² thửa đất số 17B, tờ bản đồ số 45 của ông X - bà X vào năm 2009. Khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không có tranh chấp, được Phòng công chứng chứng thực; vợ chồng tôi đã xây nhà ở, không có tranh chấp gì. Thời gian vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, anh Đỗ Mạnh C1 vẫn còn sống, không có ý kiến gì mà còn qua lại thăm hỏi động viên vợ chồng tôi. Đối với tranh chấp của gia đình ông X – bà X, thì ông X – bà X chịu trách nhiệm. Vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông X - bà X là đúng theo quy định của pháp luật.

** Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản đang tranh chấp tại tổ 22, khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh thể hiện:*

Quyền sử dụng đất người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn là chị Vũ Thị K đang tranh chấp 1167,5m², tại các thửa đất số 17A, 17B, 17D và 17E thuộc tờ bản đồ số 45; theo GCNQSDĐ đối với các thửa đất này thì có tổng diện tích 1017,4m²; theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ xác định các thửa đất này có tổng diện tích 982,9m² cụ thể: thửa đất số 17A diện tích 152,6m² (dự án đã thu hồi đất làm đường là 28m²); thửa đất số 17B diện tích 92,7m²; thửa đất số 17D diện tích 484,2m² và thửa 17E diện tích 253,4m² (dự án đã thu hồi 38m²).

Tại thời điểm Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ: thửa đất số 17A do ông X - bà X đang quản lý, sử dụng. Tài sản gắn liền với đất có căn nhà 02 tầng và 01 tum, diện tích khoảng 70m²; phía trước căn nhà có sân; mặt phía trước căn nhà giáp đường 279; thửa đất số 17E do ông X - bà X đang quản lý, sử dụng. Tài sản gắn liền với đất có 02 căn nhà cấp 4 đã cũ; thửa đất số 17B do anh H - chị T quản lý, sử dụng; thửa đất số 17D tách thành 02 thửa: thửa đất số 78 do anh C quản lý, thửa đất số 79 do anh L quản lý.

* Công văn số: 4266/ĐKQSDĐ ngày 10/11/2021 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố HL, thể hiện: việc đưa anh Đỗ Mạnh C1 là người đồng sở hữu vào cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 462776, số vào sổ cấp giấy H 35199 do UBND thành phố HL cấp ngày 28/4/2008, thửa đất số 17, tờ bản đồ 45 thuộc tổ 22 cũ (nay là tổ 21), khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh cùng với ông X – bà X là không đúng quy định và trình tự thủ tục cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thời điểm cấp giấy theo quy định tại các Điều 135; Điều 136 Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai vì theo trích biên bản xét duyệt hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất của UBND phường H ngày 20/8/2005, không có tên đồng sử dụng là Đỗ Mạnh C1; theo hồ sơ thửa đất được UBND thành phố HL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là cấp đổi lại Giấy phép xây dựng số 110 ngày 20/4/1984 mang tên ông Đỗ Tất X, thời điểm cấp giấy chứng nhận này ông X và bà X chưa chết, việc cho anh Đỗ Mạnh C1 đứng tên đồng sử dụng phải có đơn đề nghị của ông X và bà X nhưng trong hồ sơ không có đơn. Theo phiếu trình chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tháng 3/2008, không có tên anh Đỗ Mạnh C1 trong phiếu trình. Do vậy, việc in giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tên người đồng sử dụng anh Đỗ Mạnh C1, là không đúng với quy định.

* Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ về nguồn gốc quyền sử dụng đất đang tranh chấp, thể hiện:

- Người làm chứng bà Cháng Thị Liên; địa chỉ: số nhà 448C, tổ 21, khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, là hộ giáp ranh với quyền sử dụng đất đang tranh chấp, trình bày: gia đình bà sinh sống tại địa phương từ khoảng trước năm 1984 đến nay. Trước đây, bà cũng có thời gian công tác tại Công ty cổ phần Viglacera HL. Khoảng năm 1984, gia đình ông X được Nhà nước cấp đất xây nhà ở là nhà cấp 4 lợp mái ngói, hiện nay vẫn đang sử dụng (cho người khác thuê để ở). Quanh nhà cấp 4 của gia đình ông X là quả đồi trước đây trồng cây tạp, sau này được gia đình ông X khai phá trồng một số cây ăn quả rồi chuyển mục đích sử dụng làm nhà ở. Thời gian anh Đỗ Mạnh C1 còn sống, đều chung sống và sinh hoạt cùng vợ chồng ông X từ bé cho đến khi lớn lên lấy vợ. Trước đây anh C1 có thời gian làm việc tại Công ty cổ phần Viglacera HL. Thời điểm anh C1 lớn lên, có chung sức với vợ chồng ông X khai phá quả đồi nói trên. Khi anh C1 còn sống, bà cũng có nghe nói là gia đình ông X có cho vợ chồng anh C1 một phần đất để ra ở riêng nhưng sau đó vợ chồng anh C1 ly hôn và anh C1 chết thì không biết vì lý do gì mà vợ chồng ông X thu hồi lại phần đất đã cho anh C1.

- Người làm chứng bà Ngô Thị Lý; địa chỉ: số nhà 416, tổ 21, khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh trình bày: bà sinh sống tại địa phương từ năm 1976, trước đây bà có thời gian làm công nhân tại xí nghiệp gạch ngói H (sau này là Công ty xi măng Thăng Long). Bà có biết việc gia đình ông X đến ở tại địa phương được Nhà nước cấp đất xây nhà. Phần đất mà gia đình ông X đã khai phá đến khoảng năm 1998, là hơn 1000m². Anh Đỗ Mạnh C1 là con đẻ của ông X - bà X ở cùng với bố mẹ từ bé nhưng gần như không có công sức đóng góp gì trong việc khai phá phần đất của ông X - bà X. Từ khi anh C1 đến tuổi trưởng thành đã xin việc làm tại nhà máy gạch HL. Ngoài thời gian đi làm, không giúp đỡ gì cho gia đình nhất là trong việc khai phá thửa đất. Trước đây, bà có nghe nói vợ chồng ông X - bà X có cho vợ chồng anh C1 số tiền 300.000.000 đồng để mua đất làm nhà tại nhà mẹ đẻ của chị K ở thị xã Q. Đến năm 2013, vợ chồng anh C1 ly hôn, anh C1 về ở tại tập thể Xí nghiệp gạch Yên Hưng thì chị K đã bán nhà đất trên cho

người khác. Đến năm 2017, anh C1 bị ốm, không còn đủ sức lao động nên đã về ở với vợ chồng ông X – bà X; đến năm 2019, thì anh C1 chết.

- Người làm chứng ông Bùi Văn Thanh là Khu trưởng khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh và ông Nguyễn Văn Han là tổ trưởng tổ 21, khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, đều nhất trí với lời trình bày của bà Ngô Thị Lý và cung cấp thêm thông tin: trước năm 1984, gia đình ông X đã khai phá được tổng diện tích đất hơn 1780m², trong đó có phần đất đồi đã được gia đình ông X san gạt. Thời điểm đó, anh C1 mới được khoảng 10 tuổi. Đến năm 1984, gia đình ông X được Nhà nước cấp đất xây nhà trong phần diện tích khoảng 307m², phần còn lại chưa được Nhà nước cấp là do vướng đường điện (hành lang). Do đó, tổ dân khu phố thấy rằng anh C1 không có công sức đóng góp gì trong việc khai phá diện tích đất hơn 1780m² của gia đình ông X - bà X.

* Từ sau khi Tòa án tạm ngừng phiên tòa ngày 23/11/2021, người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, là chị Vũ Thị K không cung cấp cho Tòa án thông tin, địa chỉ của những người làm chứng mà chị K đề nghị Tòa án triệu tập, cũng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2021/DS-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 158; Điều 212; Điều 612 của Bộ luật Dân sự; Điều 28 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 3, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71; khoản 2 Điều 244; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Tuấn A, Đỗ Thanh N (đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là chị Vũ Thị K) về việc kiện “Yêu cầu hủy các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được chứng thực ngày 13/01/2010 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Ninh đối với thửa đất số 17B tờ bản đồ số 45 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 433544, số vào sổ H42699 ngày 11/11/2009 giữa ông Đỗ Tất X, bà Nguyễn Thị X với anh Nguyễn Văn H, chị Hoàng Thị T;

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được chứng thực ngày 13/01/2010 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Ninh đối với thửa đất số 79 tờ bản đồ số 45 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 390661, số vào sổ CH00552 ngày 17/01/2011 (tách từ thửa đất số 17D tờ bản đồ số 45 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 433543, số vào sổ H42700 ngày 11/11/2009) giữa ông Đỗ Tất X, bà Nguyễn Thị X với ông Phạm Đức K, bà Hòa Thị X2, sau đó ông K, bà X chuyển nhượng lại cho anh Bùi Công L;

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được chứng thực ngày 23/7/2019 tại Văn phòng Công chứng GD, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh đối với thửa đất số 78 tờ bản đồ số 45 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 390660, số vào sổ CH00553 ngày 17/01/2011 (tách từ thửa đất số 17D tờ bản đồ số

45 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 433543, số vào sổ H42700 ngày 11/11/2009) giữa ông Đỗ Tất X, bà Nguyễn Thị X với anh Vũ Văn C;

(Các thửa đất nêu trên đều có địa chỉ tổ 22, khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Tuấn A, Đỗ Thanh N (đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là chị Vũ Thị K) về việc “chia thừa kế theo pháp luật” đối với di sản thừa kế của anh Đỗ Mạnh C1 trong khối tài sản chung là quyền sử dụng 1167,5m² đất còn lại của thửa đất số 17, tờ bản đồ số 45 thuộc tổ 22, khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh (sau khi ông Đỗ Tất X, bà Nguyễn Thị X và anh Đỗ Mạnh C1 đã chuyển nhượng một phần của thửa đất số 17 là thửa đất số 17C, tờ bản đồ số 45, diện tích 244,7m² cho ông Đỗ Tất Tươi, bà Nguyễn Thị Thạo).

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện: Chia di sản thừa kế là các tài sản trên đất, tiền cho thuê nhà đất, tiền giải phóng mặt bằng đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ số 45 thuộc tổ 22, khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp đường của anh Đỗ Mạnh C1 đối với các cháu Đỗ Tuấn A, Đỗ Thanh N.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định.

- Ngày 24/02/2022, chị Vũ Thị K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm với lý do: quá trình giải quyết, xét xử vụ án đã vi phạm trình tự thủ tục tố tụng dân sự nghiêm trọng. Về nội dung, Tòa án đã không xét xử giải quyết khách quan vụ án, cố tình sử dụng những chứng cứ tài liệu không đảm bảo để giải quyết vụ án, để phục vụ lợi ích và quan điểm của bị đơn.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm: người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, là ông Đặng Văn T cung cấp trích lục khai tử của ông Đỗ Tất X (bản sao); văn bản khai hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ Tất X; Giấy khai sinh mang tên Đỗ Thị Kim D và Đỗ Thị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, là chị Vũ Thị K thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: yêu cầu chia di sản của anh Đỗ Mạnh C1 trong khối tài sản chung với ông X – bà X là quyền sử dụng đất diện tích 860,5m² (1167,5m² – 307m² của ông X được cấp giấy phép xây dựng năm 1984), còn các yêu cầu khởi kiện khác vẫn giữ nguyên và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Các đương sự, Đại diện Viện kiểm sát đều không xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ.

- Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, là chị Vũ Thị K trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ của việc kháng cáo: về tố tụng: quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: kéo dài thời hạn xét xử, tạo điều kiện cho bị đơn, vi phạm thời hạn giao bản án. Về nội dung: lấy lời khai của người làm chứng theo hướng có lợi cho bị đơn; tôi yêu cầu triệu tập UBND thành phố HL tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận; công văn số:

4266/ĐKQSDĐ ngày 10/11/2021 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố HL, không phải của UBND thành phố HL là trái pháp luật, không đúng sự thật khách quan; tại biên bản phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát thành phố HL có quan điểm trái pháp luật: thừa nhận các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông X – bà X với ông K – bà X, anh H – chị T, anh C là đúng mà UBND thành phố HL đã trả lời các GCNQSDĐ tách từ thửa đất số 17 không có tên anh Đỗ Mạnh C1 là sai và bị hủy bỏ điều này chứng tỏ Viện kiểm sát nhân dân thành phố HL cố tình làm trái pháp luật. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các con tôi.

Với tư cách là người đại diện hợp pháp của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Đỗ Tất X: tôi yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được chứng thực ngày 23/7/2019 tại Văn phòng Công chứng GD, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh đối với thửa đất số 78 tờ bản đồ số 45 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 390660, số vào sổ CH00553 ngày 17/01/2011 (tách từ thửa đất số 17D) giữa ông Đỗ Tất X - bà Nguyễn Thị X với anh Vũ Văn C.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị X, là ông Đặng Văn T trình bày ý kiến đối với nội dung kháng cáo: bà X vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, là chị Vũ Thị K. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xét xử trong phạm vi xét xử sơ thẩm.

- Các đương sự có mặt tại phiên tòa và Đại diện Viện kiểm sát đều không xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

- Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: phân tích các tình tiết của vụ án và đưa ra căn cứ cho thấy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh đã không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, là chị Vũ Thị K là có căn cứ. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, là chị Vũ Thị K, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, là chị Vũ Thị K theo dấu bưu điện, gửi ngày 24/02/2022. Phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án vào các ngày 26/10/2021; 23/11/2021; 23/12/2021 và Hội đồng xét xử đã nghị án kéo dài, tuyên án sơ thẩm vào ngày 29/12/2021. Tại Bản án sơ thẩm và Biên bản phiên tòa thể hiện chị K có mặt tại các phiên tòa ngày 26/10/2021; 23/11/2021; 23/12/2021 và 29/12/2021. Tuy nhiên, theo Văn bản giải trình của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa sơ thẩm và Thư ký phiên tòa sơ thẩm, cũng như lời khai của chị K xác định: chị K vắng mặt tại phiên tòa tuyên án sơ thẩm ngày 29/12/2021, có lý do và đã được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngày 11/02/2022, chị K nhận được bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định đơn kháng cáo của chị Vũ Thị K làm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 20/4/2022, bị đơn ông Đỗ Tất X chết. Căn cứ lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị X, là ông Đặng Văn T; lời khai của người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, là chị Vũ Thị K cùng các tài liệu do bị đơn bà Nguyễn Thị X cung cấp, xác định những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Đỗ Tất X gồm có: bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1950; địa chỉ: số 450, đường GD, tổ 21, khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh; chị Đỗ Thị M, sinh năm 1969; địa chỉ: tổ 7, khu 1, phường GD, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh; chị Đỗ Thị Kim D, sinh năm 1971; địa chỉ: tổ 21, khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh; cháu Đỗ Tuấn A, sinh ngày 25/3/2007 và cháu Đỗ Thanh N, sinh ngày 03/5/2009; cùng địa chỉ: khu G, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Văn H – chị Hoàng Thị T, anh Vũ Văn C, ông Phạm Đức K – bà Hòa Thị X2 và anh Bùi Công L; những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Đỗ Tất X là chị Đỗ Thị M và Đỗ Thị Kim D, đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, là chị Vũ Thị K, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu Tòa án huỷ các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông X – bà X với: anh H – chị T (thửa đất số 17B); ông K - bà X và từ ông K - bà X với anh L (thửa đất số 79 tách từ thửa đất số 17D); anh C (thửa đất số 78 tách từ thửa 17D) và yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý khi tuyên bố Hợp đồng vô hiệu:

Về GCNQSDĐ số AL 462776 mang tên người sử dụng đất ông Đỗ Tất X, bà Nguyễn Thị X và anh Đỗ Mạnh C1, đối với quyền sử dụng đất diện tích 1412,2m²; thửa đất số 17, tờ bản đồ 45; địa chỉ: tổ 22 cũ (nay là tổ 21), khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh. Tại Công văn số: 4266/ĐKQSDĐ ngày 10/11/2021 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố HL xác định: việc đưa tên anh Đỗ Mạnh C1 là người đồng sở hữu cùng với ông X – bà X là không đúng quy định và trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại các Điều 135; Điều 136 Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai. Việc năm 2008, UBND thành phố HL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với quyền sử dụng đất diện tích 1412,2m²; thửa đất số 17, tờ bản đồ 45; địa chỉ: tổ 22 cũ (nay là tổ 21), khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh là cấp đổi Giấy phép sử dụng đất công và xây dựng nhà ở số 110 ngày 20/4/1984 mang tên ông Đỗ Tất X.

Về nguồn gốc quyền sử dụng đất được cấp GCNQSDĐ số AL 462776 mang tên người sử dụng đất ông Đỗ Tất X, bà Nguyễn Thị X và anh Đỗ Mạnh C1: tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án sơ thẩm ngày 26/11/2021, thể hiện: nguồn gốc quyền sử dụng đất diện tích 1.708m² của ông X – bà X có từ những năm 1984. Thời điểm năm 1984, anh C1 còn nhỏ, chưa có công sức đóng góp gì đối với thửa đất này; ông X – bà X khẳng định quyền sử dụng đất này do gia đình ông bà quản lý, sử dụng và sở hữu từ những năm 1970 trở lại đây. Năm 1984, gia đình ông bà xin và được Ủy ban nhân dân thị xã Hồng Gai cấp Giấy phép sử dụng đất công và xây dựng nhà ở mang tên ông Đỗ Tất X số 110 ngày 20/4/1984. Năm 2008, gia đình ông bà xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với quyền sử dụng đất này. Anh Đỗ Mạnh C1 không có công sức đóng góp gì đối với quyền sử dụng đất này, vì anh Đỗ Mạnh C1 sinh năm 1974, lúc bé gia đình nuôi ăn học đến năm 1990, đi làm công nhân tại Nhà máy gạch HL; từ năm 1991 đến năm 1999, anh Đỗ Mạnh C1 vừa đi làm vừa đi học đại học tại chức; năm 2000, anh Đỗ Mạnh C1 chuyển về làm việc tại Nhà máy gạch Yên Hưng đến năm 2017. Anh Đỗ Mạnh C1 khi lớn lên đi làm công nhân và thoát ly gia đình lấy vợ, sống độc lập. Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hiện có tại tổ 22 cũ (nay là tổ 21), khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh do ông X và bà X xây dựng tôn tạo, anh Đỗ Mạnh C1 không có công sức gì.

Về Hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ số AL 462776 mang tên người sử dụng đất ông Đỗ Tất X, bà Nguyễn Thị X và anh Đỗ Mạnh C1, thể hiện: tại biên bản xác minh đất đai ngày 02/12/2007, thửa đất số 17 tờ bản đồ số 45 thuộc tổ 22 cũ (nay là tổ 21), khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh hiện gia đình ông X đang quản lý, sử dụng từ năm 1984 đến nay; trong quá trình sử dụng đất không tranh chấp với các hộ liền kề. Sau khi xác minh, diện tích đất đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1412m². Báo cáo tóm tắt về kết quả thẩm tra hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đỗ Tất X và trích biên bản xét duyệt hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất của phường H đều thể hiện tổng diện tích thửa đất số 17 theo bản đồ địa chính là 1785m², diện tích đất đề nghị cấp giấy chứng nhận là 1415m², nguồn gốc đất: ông X sử dụng từ năm 1984.

Hơn nữa, ông X và bà X là vợ chồng; tại thời điểm xét xử sơ thẩm, ông X - bà X đều còn sống. Tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 45 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất có địa chỉ: tổ 22 cũ (nay là tổ 21), khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh là tài sản chung của ông X - bà X có từ trước thời điểm ông X xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005. Tại hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố HL lưu giữ,

không có văn bản thỏa thuận nào giữa ông X, bà X và anh C1. Bà X không đồng ý với việc đưa anh C1 vào là người đồng sở hữu đối với tài sản này.

Với những nhận định nêu trên, căn cứ Điều 28 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở xác định anh Đỗ Mạnh C1 có quyền về tài sản đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 17, tờ bản đồ 45 cùng tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: tổ 22 cũ (nay là tổ 21), khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh. Việc ông X – bà X chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho: anh H – chị T (thửa đất số 17B); ông K - bà X (thửa đất số 79 tách từ thửa đất số 17D) và anh C (thửa đất số 78 tách từ thửa 17D), là hợp pháp. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, là chị Vũ Thị K về việc yêu cầu Tòa án huỷ các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông X – bà X với: anh H – chị T (thửa đất số 17B); ông K - bà X và từ ông K - bà X với anh L (thửa đất số 79 tách từ thửa đất số 17D); anh C (thửa đất số 78 tách từ thửa 17D). Do người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, là chị Vũ Thị K khởi kiện yêu cầu Tòa án huỷ các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất như nêu trên nên không làm phát sinh yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý khi tuyên bố hợp đồng vô hiệu theo yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, là chị Vũ Thị K.

[2.2] Đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật: chia di sản thừa kế của anh Đỗ Mạnh C1 cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Đỗ Mạnh C1 gồm: ông Đỗ Tất X, bà Nguyễn Thị X, cháu Đỗ Tuấn A và cháu Đỗ Thanh N, tài sản thừa kế là phần quyền sử dụng đất của anh Đỗ Mạnh C1 trong khối tài sản chung với ông X – bà X được UBND thành phố HL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008, trừ đi diện tích đất ông X, bà X và anh C1 đã chuyển nhượng hợp pháp cho ông Tươi – bà Thao và diện tích đất 307m², ông X được cấp Giấy phép sử dụng đất công và xây dựng nhà ở số 110 ngày 20/4/1984 mang tên ông Đỗ Tất X, còn lại là quyền sử dụng đất diện tích 860,5m² (theo yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, là chị Vũ Thị K tại phiên tòa). Phần di sản thừa kế được chia, chị K yêu cầu chia bằng hiện vật.

Theo nhận định tại mục [2.1] nêu trên, xác định anh Đỗ Mạnh C1 không có quyền về tài sản đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 17, tờ bản đồ 45 cùng tài sản gắn liền với đất; địa chỉ: tổ 22 cũ (nay là tổ 21), khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh của ông X – bà X. Căn cứ quy định tại Điều 612 của Bộ luật Dân sự năm 2015, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, là chị Vũ Thị K về việc yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của anh Đỗ Mạnh C1 theo quy định của pháp luật.

[2.3] Đối với kháng cáo của người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, là chị Vũ Thị K với nội dung: quá trình giải quyết, xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm trình tự thủ tục tố tụng dân sự nghiêm trọng như đã nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, là chị Vũ Thị K. Xác định là vụ án có tính chất phức tạp, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm theo

Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vi phạm thời hạn giao bản án sơ thẩm theo khoản 2 Điều 269 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy vi phạm này của Tòa án cấp sơ thẩm không phải vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; đối với nội dung Tòa án cấp sơ thẩm tạo điều kiện cho bị đơn, người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, là chị Vũ Thị K không đưa ra căn cứ; đối với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm lấy lời khai của người làm chứng theo hướng có lợi cho bị đơn, vì những người này không phải là người sinh sống lâu năm tại địa phương, không biết rõ về nguồn gốc đất, ông tổ trưởng và khu trưởng hiện tại mới nhận nhiệm vụ tổ trưởng, khu trưởng nên không nắm rõ được nguồn gốc đất. Tuy nhiên, tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, chị K không cung cấp được cho Tòa án thông tin những người làm chứng theo đề nghị của chị K. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thu thập chứng cứ tại nơi có tài sản đang tranh chấp (nơi ông X - bà X đang cư trú), có sự chứng kiến của tổ trưởng, khu trưởng và hai người làm chứng là bà Lý và bà Liên là đảm bảo khách quan, đúng pháp luật; đối với yêu cầu triệu tập UBND thành phố HL tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ, đối với vụ án này: UBND thành phố HL chỉ là cơ quan cung cấp tài liệu, chứng cứ, thông tin theo yêu cầu của các bên đương sự hoặc Tòa án; đối với nội dung tại biên bản phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát thành phố HL có quan điểm trái pháp luật: thừa nhận các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông X – bà X với ông K – bà X, anh H – chị T, anh C là đúng mà UBND thành phố HL đã trả lời các GCNQSDĐ tách từ thửa đất số 17 không có tên anh Đỗ Mạnh C1 là sai và bị hủy bỏ điều này chứng tỏ Viện kiểm sát nhân dân thành phố HL cố tình làm trái pháp luật, là không có căn cứ như đã nhận định tại mục [2.1].

Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, là chị Vũ Thị K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Đối với quan điểm của chị Vũ Thị K, với tư cách là người đại diện hợp pháp của những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Đỗ Tất X: về việc yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được chứng thực ngày 23/7/2019 tại Văn phòng Công chứng GD, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh đối với thửa đất số 78 tờ bản đồ số 45 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 390660, số vào sổ CH00553 ngày 17/01/2011 (tách từ thửa đất số 17D) giữa ông Đỗ Tất X - bà Nguyễn Thị X với anh Vũ Văn C, xét thấy không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm nên không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn là cháu Đỗ Tuấn A và cháu Đỗ Thanh N, không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên các nguyên đơn đều là trẻ em và thuộc hộ cận nghèo, người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, là chị Vũ Thị K có đơn xin miễn án phí. Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho các nguyên đơn.

[5] Về chi phí tố tụng: về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản tranh chấp do Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành. Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, là chị Vũ Thị K tự nguyện chịu và đã nộp đủ theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm: như đã nhận định tại mục [2.3], Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm theo Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vi phạm thời hạn giao bản án sơ thẩm theo khoản 2 Điều 269 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại phần nội dung vụ án không ghi quan điểm (yêu cầu), đề nghị hoặc đề cập gì đến người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn C, là vi phạm điểm b khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[7] Chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về nội dung giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn, là chị Vũ Thị K. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2021/DS-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh như sau:

Căn cứ vào khoản 3, 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 70; khoản 2 Điều 71; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148; Điều 157 và khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 158; Điều 212; Điều 213 và Điều 612 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 28 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn cháu Đỗ Tuấn A và cháu Đỗ Thanh N, là chị Vũ Thị K về việc yêu cầu hủy: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/01/2010, giữa ông Đỗ Tất X – bà Nguyễn Thị X với anh Nguyễn Văn H - chị Hoàng Thị T; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/11/2010, giữa ông Đỗ Tất X - bà Nguyễn Thị X với ông Phạm Đức K - bà Hòa Thị X2, sau đó ông Phạm Đức K - bà Hòa Thị X2 chuyển nhượng lại cho anh Bùi Công L; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23/7/2019 giữa ông Đỗ Tất X - bà Nguyễn Thị X với anh Vũ Văn C và yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý khi tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn cháu Đỗ Tuấn A và cháu Đỗ Thanh N, là chị Vũ Thị K về việc yêu cầu

chia tài sản thừa kế của anh Đỗ Mạnh C1 cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của anh Đỗ Mạnh C1 gồm: ông Đỗ Tất X, bà Nguyễn Thị X, cháu Đỗ Tuấn A và cháu Đỗ Thanh N; tài sản thừa kế là phần quyền sử dụng đất của anh Đỗ Mạnh C1 trong khối tài sản chung với ông Đỗ Tất X và bà Nguyễn Thị X được Ủy ban nhân dân thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008, trừ đi diện tích đất ông Đỗ Tất X, bà Nguyễn Thị X và anh Đỗ Mạnh C1 đã chuyển nhượng cho ông Đỗ Tất Tươi và bà Vũ Thị Thạo hợp pháp và diện tích đất ông Đỗ Tất X được cấp Giấy phép sử dụng đất công và xây dựng nhà ở số 110 ngày 20/4/1984 mang tên ông Đỗ Tất X, còn lại là quyền sử dụng đất diện tích 860,5m² thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 45; địa chỉ: tổ 22 cũ (nay là tổ 21), khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh.

[3] Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn cháu Đỗ Tuấn A và cháu Đỗ Thanh N, là chị Vũ Thị K về việc chia tài sản thừa kế là các tài sản gắn liền với đất, tiền cho thuê nhà đất, tiền giải phóng mặt bằng đối với một phần quyền sử dụng đất tại thửa đất số 17, tờ bản đồ số 45; địa chỉ: tổ 22 cũ (nay là tổ 21), khu 2, phường H, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng của anh Đỗ Mạnh C1 đối với con Đỗ Tuấn A và con Đỗ Thanh N.

[4] Về án phí: miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm đối với cháu Đỗ Tuấn A và cháu Đỗ Thanh N.

[5] Về chi phí tố tụng: người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn cháu Đỗ Tuấn A và cháu Đỗ Thanh N, là chị Vũ Thị K tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thành phố HL;
- Chi cục THADS thành phố HL;
- Lưu VP; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Hằng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Thắng

Bùi Đức Thanh

Nguyễn Thúy Hằng